TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95**/2025/DS-ST
Ngày: 19/11/2025
V/v: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Hồng Tươi
2. Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Xuyên, Thư ký viên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang tham gia phiên toà*:** Ông Trần Quốc Toản, kiểm sát viên.

Ngày 18 và 19 tháng 11 năm 2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân khu vực 2 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2025/TLST - DS ngày 06/8/2025 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST - DS ngày 10/10/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số B đường C, khu phố A D, đặc khu P, tỉnh An Giang (*Có đơn xin vắng mặt*).

* Bị đơn: Anh **Trần Tướng V**, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Khu phố D, đặc khu P, tỉnh An Giang.

Đại diện ủy quyền cho anh V: Bà Lê Thị N, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Số A C, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Đình T trình bày và yêu cầu như sau*:

Vào ngày 29/01/2024, anh T có cho anh V vay số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), anh V cam kết hoàn trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi trong thời gian 06 tháng kể từ ngày vay.

Nhằm tạo lòng tin giữa 02 bên và đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, anh V đã thế chấp cho anh T 01 phần diện tích thuộc quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất số CD963142 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh K (*nay là An Giang*) cấp ngày 29/12/2016 do bà Ngô Đình Lệ T1 đứng tên, đất anh V thế chấp có diện tích 136,21m^2 (*được xác định tọa độ theo sơ đồ*) thuộc thửa 438, tờ bản đồ 125 tọa lạc tại tổ A, khu phố G D, đặc khu P, tỉnh An Giang. Trên diện tích đất anh V thế chấp có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 80m^2.

Trong cùng ngày, anh T và anh V tiến hành lập vi bằng số 0076.2024/VB-TPLPQ và văn bản thỏa thuận tại Văn phòng T2 để ghi nhận việc thỏa thuận việc anh T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản nói trên từ anh V. Ngày 29/01/2025, anh T đã chuyển khoản cho anh V số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và ngày 30/01/2025 02 bên lập biên bản bàn giao nhà và tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên.

Ngày 31/01/2025 anh T tiếp tục chuyển khoản thêm cho anh V số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Tổng số tiền anh T chuyển khoản cho anh V là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và anh V có viết Văn bản cam kết với nội dung "*Trong thời hạn 06 tháng (kể từ ngày 29/01/2025) Văn bản thỏa thuận ngày 29/01/2024 giữa anh T và anh V, bàn giao lại diện tích đất và tài sản gắn liền với đất cho anh V, ngược lại nếu anh V không trả nợ đúng hạn thì anh V có trách nhiệm làm thủ tục tách thửa và chuyển nhượng diện tích đất 136,21m^2 cho anh T*".

Anh T xác nhận, sau khi 02 bên ký kết các văn bản nêu trên thì phía anh V có trả được cho anh T 03 tháng tiền lãi với số tiền là 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

Khi đến hạn trả nợ mặc dù đã được anh T nhắc nhở nhiều lần nhưng anh V cố tình trốn tránh, không hợp tác nên anh T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Văn bản thỏa thuận ngày 29/01/2024 giữa anh Nguyễn Đình T và anh Trần Tướng V.

2. Buộc anh Trần Tướng V trả ngay cho anh Nguyễn Đình T số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và số tiền lãi còn lại (*sau khi cấn trừ số tiền lãi 45.000.000 đồng mà anh đã nhận từ anh V*). Lãi được tính từ ngày 29/01/2024 cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Tướng V khai và yêu cầu như sau*: Anh V xác nhận, ngày 29/01/2024 anh có ký kết Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng 01 diện tích đất 136,21m^2 tọa lạc tại tổ A, khu phố G D, đặc khu P, tỉnh An Giang với anh T, trên đất có căn nhà cấp 4 dạng Bungalo để bảm bảo cho khoản vay 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) mà anh đã vay từ anh T, lãi suất cho vay là 15.00.000 đồng/tháng.

Trong thời gian vay, do làm ăn khó khăn nên anh V chỉ trả cho anh T được 03 tháng tiền lãi với số tiền là 45.00.000 đồng, chuyển khoản 01 tháng và đưa tiền mặt 02 tháng.

Nay, anh T khởi kiện, anh V yêu cầu:

1. Đồng ý hủy Văn bản thỏa thuận ngày 29/01/2024 giữa anh Nguyễn Đình T và anh Trần Tướng V.

2. Yêu cầu tính lại phần tiền lãi mà anh đã trả cho anh T.

3. Đồng ý trả cho anh T số tiền gốc 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và tiền lãi còn lại sau khi cấn trừ tiền lãi mà anh đã trả.

Do hoàn cảnh khó khăn nên anh V xin trả dần cho anh T trong thời hạn 12 tháng, cụ thể: 06 tháng đầu trả mỗi tháng là 10.000.000 đồng, số tiền còn lại thì chia đều cho 06 tháng sau.

* *Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn anh T vắng mặt không có ý kiến.

- Đại diện bị đơn, bà N trình bày và yêu cầu như sau:

Anh V đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh T về việc hủy Văn bản thỏa thuận ngày 29/01/2024 giữa anh Nguyễn Đình T và anh Trần Tướng V và đồng ý trả cho anh T số tiền gốc là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

Đối với phần lãi suất thì anh V không đồng ý trả theo yêu cầu của anh T, chỉ đồng ý trả cho anh T lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS, lý do: Khi thỏa thuận việc vay tiền, giữa anh T và anh V không có thỏa thuận cụ thể về phần lãi suất phải trả hàng tháng, việc anh V có trả tiền lãi cho anh T được 03 tháng, mỗi tháng là 15.000.000 đồng (tương đương 5%/tháng) là do anh V bị anh T ép buộc và đe dọa tù tội bằng lời nói, anh V sợ mất uy tín nên đã trả theo yêu cầu của anh T.

Nay, anh V yêu cầu Tòa án xem xét tính lại phần lãi suất cụ thể như sau: Lãi tính từ ngày 29/01/2024 đến ngày 18/11/2025 là 54.061.700 đồng – 45.000.000 đồng = 9.061.700 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi anh V phải trả cho anh T là 309.061.700 đồng (*Ba trăm lẻ chín triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn bảy trăm đồng*).

Anh V xin trả dần trong thời gian 12 tháng, bắt đầu trả từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 423, 463, 466, 468 BLDS năm 2015 Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T đối với ông Trần Tướng V.

- Tuyên hủy Văn bản thỏa thuận ngày 29/01/2024 giữa Nguyễn Đình T và ông Trần Tướng V.

- Buộc anh Trần Tướng V trả cho anh Nguyễn Đình T số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và tiền lãi còn lại sau khi cấn trừ số tiền lãi 45.000.000 đồng mà anh V đã trả cho anh T (số tiền lãi được tính từ ngày 29/01/2024 cho đến ngày 18/11/2025 với mức lãi suất 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng) = 362.734.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc và tiền lãi còn nợ nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*".

Đồng thời, tại thời điểm khởi kiện, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố D, đặc khu P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015.

Xét thấy, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Ngày 29/01/2024, anh T có thỏa thuận cho anh V vay số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), anh V cam kết hoàn trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi trong thời gian 06 tháng kể từ ngày vay và đã thế chấp cho anh T 01 phần diện tích thuộc quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD963142 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh K (*nay là An Giang*) cấp ngày 29/12/2016 do bà Ngô Đình Lệ T1 đứng tên, đất anh V thế chấp có diện tích 136,21m^2 (*được xác định tọa độ theo sơ đồ*) thuộc thửa 438, tờ bản đồ 125 tọa lạc tại tổ A, khu phố G D, đặc khu P, tỉnh An Giang, trên diện tích đất anh V thế chấp có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 80m^2. Việc thế chấp nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của anh V. Ngoài ra, trong cùng ngày, cả 02 tiến hành lập vi bằng số 0076.2024/VB-TPLPQ và văn bản thỏa thuận tại Văn phòng T2 để ghi nhận việc thỏa thuận việc anh T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản nói trên từ anh V. Ngày 30/01/2025 02 bên lập biên bản bàn giao nhà và tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên. Anh T đã chuyển khoản 02 lần cho anh V với tổng số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và anh V có viết Văn bản cam kết với nội dung "*Trong thời hạn 06 tháng (kể từ ngày 29/01/2025) Văn bản*

thỏa thuận ngày 29/01/2024 giữa anh T và anh V, bàn giao lại diện tích đất và tài sản gắn liền với đất cho anh V, ngược lại nếu anh V không trả nợ đúng hạn thì anh V có trách nhiệm làm thủ tục tách thửa và chuyển nhượng diện tích đất 136,21m^2 cho anh T". Sau khi 02 bên ký kết các văn bản nêu trên thì phía anh V có trả được cho anh T 03 tháng tiền lãi với số tiền là 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) thì ngưng không trả nữa. Khi đến hạn trả nợ mặc dù đã được anh T nhắc nhở nhiều lần nhưng anh V cố tình trốn tránh, không hợp tác nên anh T khởi kiện.

2.1 *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên hủy Văn bản thỏa thuận ngày 29/01/2024 giữa anh Nguyễn Đình T và anh Trần Tướng V, HĐXX xét thấy*: Nội dung của văn bản nêu trên có thể hiện rõ nội dung anh V chuyển nhượng cho anh T thửa đất diện tích 136,21m^2 thuộc một phần thửa đất số 438, tờ bản đồ 125 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 có diện tích 80m^2 tọa lạc tại tổ A, khu phố G D, đặc khu P, tỉnh An Giang với giá trị là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết anh T và anh V xác nhận, việc chuyển nhượng là không có thật, thực chất số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) là do anh V vay của anh T và để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của anh V nên cả 02 đã lập văn bản thỏa thuận này.

Từ đó, HĐXX có đủ căn cứ xác định Văn bản thỏa thuận ngày 29/01/2024 giữa anh Nguyễn Đình T và anh Trần Tướng V về việc chuyển nhượng thửa đất diện tích 136,21m^2 thuộc một phần thửa đất số 438, tờ bản đồ 125 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 có diện tích 80m^2 tọa lạc tại tổ A, khu phố G D, đặc khu P, tỉnh An Giang là nhằm mục đích che giấu việc cho vay tiền giữa anh T và anh V chứ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không có. Đồng thời, tại phiên tòa phía bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy văn bản thỏa thuận ngày 29/01/2024 nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát, tuyên hủy Văn bản thỏa thuận ngày 29/01/2024 giữa anh Nguyễn Đình T và anh Trần Tướng V.

2.2 *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc*: HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và qua lời trình bày của anh T được anh V xác nhận sự việc là anh V có vay của anh T số tiền gốc 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và hiện nay chưa trả được cho anh T số tiền này. Đây thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu này của anh T là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463 BLDS 2015 nên HĐXX chấp nhận. Buộc anh V trả cho anh T số tiền vay gốc 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

2.3 *Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn và yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu tính lại mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu*: HĐXX xét thấy, các tài liệu, chứng cứ mà phía anh T cung cấp cho thấy không có chứng cứ nào thể hiện việc anh T và anh V thỏa thuận lãi suất vay cụ thể là bao nhiêu %/tháng, tuy nhiên tại văn bản cam kết đề ngày 31/01/2021 (*người cam kết là Trần Tướng V*) có nội dung "*Tôi cam kết lợi nhuận hàng tháng là 5% trên giá chuyển nhượng*" và tại biên bản ghi lời khai ngày 03/10/2025 anh V xác nhận vay của anh T số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) với lãi suất 15.000.000 đồng/tháng và đã trả được 03 tháng với số tiền 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*). Như vậy, số tiền lãi mà anh V trả cho anh T tương đương 5%/tháng. Ngoài ra, tại buổi hòa giải ngày 10/10/2025, anh T và anh V thống nhất được với nhau về số tiền lãi. Từ đó cho thấy, việc anh V trả lãi suất cho anh T mỗi tháng là 5% là có thật và việc trả lãi với mức lãi suất này là vượt mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

Đối với phía đại diện ủy quyền của bị đơn cho rằng, việc anh V trả tiền lãi 15.000.000 đồng/tháng cho anh T tương đương 5%/tháng là do bị ép buộc và hăm dọa bằng lời nói từ phía anh T chứ cả 02 không có thỏa thuận mức lãi suất từ ban đầu nên yêu cầu trả lãi suất cho anh T là 10%/năm nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh đối với lời trình bày này nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

Đối với yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 20%/năm từ ngày 29/01/2024 đến ngày 18/11/2025 của anh T là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS nên HĐXX chấp nhận. Lãi suất được tính như sau: Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 18/11/2025 là 21 tháng 19 ngày: [(300.000.000 đồng x 1.66%/tháng) x 21 tháng 19 ngày] = 107.734.000 đồng. Cấn trừ số tiền lãi anh V đã trả 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*), số tiền lãi còn lại là 62.734.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng*).

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi đến ngày 18/11/2025 anh V phải trả cho anh T là 362.734.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng*).

2.4 *Xét lời khai nại của bà N (đại diện ủy quyền của bị đơn)*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, phía anh V xin trả dần cho anh T số tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 12 tháng, bắt đầu trả từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

HĐXX xét thấy, cách thức và thời gian trả dần số nợ của anh V là kéo dài thêm thời gian, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của anh T. Tại buổi hòa giải, phía anh T cũng không đồng ý theo cách trả dần số nợ của anh V. Đồng thời, Tòa án không ấn định thời điểm hoặc thời hạn trả nợ bên có nghĩa vụ thi hành án nên yêu cầu này của phái anh V là không có cơ sở để HĐXX xem xét.

Từ những cơ sở nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Buộc anh V có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 18/11/2025 với tổng số tiền là 362.734.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*:

- A phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho anh T là 18.136.000 đồng (*Mười tám triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

- Yêu cầu của anh T được chấp nhận nên hoàn trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, Điều 423 Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Tuyên hủy Văn bản thỏa thuận ngày 29/01/2024 giữa anh Nguyễn Đình T và anh Trần Tướng V.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình T đối với anh Trần Tướng V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Trần Tướng V có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Đình T tổng số tiền **362.734.000 đồng** (*Ba trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng*).

Trong đó, tiền gốc là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và tiền lãi đến ngày 18/11/2025 là 62.734.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu anh V không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng anh V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc anh Trần Tướng V phải chịu án phí số tiền là 18.136.000 đồng (*Mười tám triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho anh Nguyễn Đình T số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 9.666.000 đồng (*Chín triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) theo lai thu số 0000243 ngày 31/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 19/11/2025*).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV2 - AG;
- Phòng THADS KV2-AG;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Cẩm Lình